TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST Ngày: 23-9-2022 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2022, về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thụy Thu T, sinh năm

Địa chỉ: Số b, tổ t, khóm b, Phường b, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn A, sinh năm

Địa chỉ: Số c, tổ m, khóm h, Phường b, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ngô Thụy Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị T và anh A kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2018 tại UBND Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm được. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng không thường xuyên chung sống do anh A đi làm xa, không quan tâm, chăm sóc

vợ con, anh A có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, không giữ gìn sự chung thủy, chân thành trong hôn nhân. Đến nay vợ chồng không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Khả H, sinh ngày a. Hiện con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Bùi Văn A đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh A không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thụy Thu T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh A và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con; bị đơn có nơi cư trú tại Phường b, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn A, anh A có mặt tại nơi cư trú nhưng anh A vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/01/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh A phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh A. Anh A không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ

gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh A cũng không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh A có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung: Chị Ngô Thụy Thu T và anh Bùi Văn A có 01 con chung tên Bùi Khả H, sinh ngày a, hiện con chung đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh A không có văn bản ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay, cháu H sống chung với cha mẹ và từ khi vợ chồng chị T, anh A phát sinh mâu thuẫn, sống xa nhau thì cháu H sống chung với chị T, cuộc sống đã dần ổn định. Hơn nữa, cháu H còn nhỏ tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó, yêu cầu của chị T về việc chị T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức ½ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T là người trực tiếp nuôi con, anh A không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T yêu cầu là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[6] Xét tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh A không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí về ly hôn, anh A phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thụy Thu T về việc yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn A. Chị T được ly hôn với anh A.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thụy Thu T về việc chị T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Khả H, sinh ngày a, hiện con chung đang sống với chị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thụy Thu T, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, với mức cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thụy Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011338 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

8. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (khi có hiệu lực pháp luật; GCNKH số 03, ngày 26/01/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân